



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/2022/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính Công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết ngày 15/06/2021 hiện hành
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty (dự thảo kèm theo Tờ trình này).
Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: HC-NS, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐOÀN VĂN SƠN



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT



Ngàytháng....năm....



DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành ngày 15 tháng 06 năm 2021;
- Căn cứ biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết ngày tháng năm 2022.

CHƯƠNG I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tư cách pháp nhân của Công ty:

- 1.1 Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- 1.2 Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế tự chủ về mặt tài chính, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi Vốn điều lệ Công ty, có các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính kế toán của Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý Nhà nước.

Điều 2: Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Quy chế tài chính này áp dụng cho tất cả các đơn vị và người lao động có liên quan trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VỐN

Điều 3: Quản lý, sử dụng vốn:

- 3.1 Vốn của Công ty là do các cổ đông của Công ty góp dưới các hình thức theo quy định của pháp luật.
- 3.2 Vốn điều lệ của Công ty là: **98.000.000.000 đồng Việt Nam (bằng chữ: Chín mươi tám tỷ đồng)**
- 3.3 Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn theo Điều lệ Công ty quy định.
- 3.4 Việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp như liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác, Tổng Giám đốc phải lập phương án trình Hội đồng Quản trị (HĐQT) hoặc Đại hội đồng cổ đông

3007
CÔNG
CỔ
NG B
NH

(ĐHĐCĐ) để quyết định tùy theo quy mô sử dụng vốn đã được phân cấp quyền hạn tài chính theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

3.5 Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm sử dụng vốn Công ty để phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh đúng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Trong trường hợp sử dụng vốn của Công ty khác với mục tiêu của kế hoạch thì phải tuân thủ nguyên tắc có hoàn trả.

3.6 Việc sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ bản phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm đổi mới công nghệ, thiết bị, mua sắm tài sản cố định của Công ty. Trong trường hợp sử dụng vốn vay hay trái phiếu để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định phải đảm bảo nguyên tắc hoàn trả đúng hạn từ nguồn khấu hao và hiệu quả của công trình xây dựng cơ bản và tài sản cố định đó.

Điều 4: Tăng, giảm vốn điều lệ, huy động vốn:

4.1 Tăng, giảm vốn điều lệ:

- a. Mọi trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty đều phải thông qua Đại hội đồng Cổ đông để quyết định, phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.
- b. Phương thức tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty thực hiện theo những quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- c. Khi thay đổi vốn Điều lệ, Công ty phải công bố công khai vốn điều lệ mới trên các phương tiện đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

4.2 Huy động vốn:

- a. Công ty được quyền huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dưới hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- b. Việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo khả năng thanh toán nợ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động và không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty nếu không được sự chấp thuận của cổ đông.
- c. Thẩm quyền huy động vốn dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền thực hiện theo qui định tại điều lệ;
- d. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn, bảo lãnh tín dụng được thực hiện như sau:

+ Hội đồng quản trị:

- Quyết định các Hợp đồng vay vốn, bảo lãnh giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Thông qua Phương án vay vốn.
- + Tổng giám đốc quyết định các Hợp đồng vay vốn, có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và báo cáo lại Hội đồng quản trị.
- + Riêng các Hợp đồng gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định.

Điều 5: Các nguồn vốn khác

Công ty được quản lý, sử dụng vốn khác theo quy định của Pháp luật như: nợ người cung cấp, tiền ứng trước của người mua, vốn vay của các thành viên liên quan và các loại vốn khác mà pháp luật không cấm.

Điều 6: Quản lý vốn

- 6.1** Công ty chịu trách nhiệm quản lý vốn theo đúng các quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.
- 6.2** Việc quản lý của các cổ đông phải được quản lý, ghi chép theo nguyên tắc:
- + Danh sách sở hữu cổ phần của các cổ đông phải do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
 - + Số cổ phần khi được phát hành thêm phải được ghi trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông.
 - + Số vốn góp phải được hạch toán kịp thời trong các tài khoản kế toán liên quan.
 - + Việc chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông (nếu có) phải tuân thủ quy định của pháp luật, của điều lệ Công ty và phải phản ánh đầy đủ, kịp thời trong các tài liệu liên quan. HĐQT Công ty quy định việc chuyển nhượng và theo dõi việc chuyển nhượng nhưng không trái với điều lệ Công ty.
 - + Vốn góp của các cổ đông không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác và không trái với quy định của pháp luật.
- 6.3** Đối với các khoản vốn của Công ty được đem đi góp vào các đơn vị liên doanh, liên kết, Phòng Tài chính Kế toán phải theo dõi phần vốn gốc, lợi nhuận được chia hoặc số lỗ lũy kế của từng khoản vốn gốc, lợi nhuận được chia hoặc số lỗ lũy kế của từng khoản vốn chuyển đi liên doanh liên kết. Người được hội đồng Quản trị phân công quản lý số vốn góp của Công ty phải có trách nhiệm báo cáo và cập nhật tình hình kinh doanh của các đơn vị này theo yêu cầu của HĐQT, của Tổng giám đốc.

- 6.4** Phòng tài chính kế toán có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HĐQT và Tổng giám đốc về giá trị của các nguồn vốn và tỷ trọng của từng nguồn vốn.

Điều 7: Các biện pháp bảo toàn vốn của công ty

- 7.1** Thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.
- 7.2** Mua bảo hiểm tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty theo đúng quy định.
- 7.3** Hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không thu được và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau:
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho dự kiến sẽ xảy ra trong kỳ kinh doanh tiếp theo.
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm, dự phòng rủi ro hối đoái.

Điều 8: Quản lý và sử dụng tài sản lưu động và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tài sản lưu động của Công ty gồm: vốn bằng tiền, nợ phải thu, tài sản lưu động khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư công cụ tài chính có thời hạn từ 12 tháng trở xuống.

8.1 Quản lý vốn bằng tiền mặt:

- + Công ty phải xây dựng kế hoạch thu chi tiền mặt, tồn quỹ tiền mặt phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- + Phiếu chi tiền mặt phải được Tổng giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc được ủy quyền/giao nhiệm vụ và Kế toán trưởng hoặc người được ủy quyền ký duyệt.
- + Thủ quỹ căn cứ vào chứng từ thu chi để ghi vào sổ quỹ tiền mặt và chuyển cho Kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.
- + Thủ quỹ và kế toán thanh toán phải cập nhật và tính số tồn quỹ hàng ngày. Mọi khoản thu chi bằng tiền mặt đều phải được ghi trong sổ quỹ tiền mặt, kiểm kê và đối chiếu tiền trong két sắt và trên sổ sách mỗi ngày một lần vào cuối ngày làm việc.
- + Các khoản thu chi tiền mặt đều phải được chứng minh bằng các chứng từ đã được phê duyệt và phải là bản chính. Tất cả phiếu thu, phiếu chi đều phải đóng dấu của Công ty.
- + Trước khi viết phiếu thu, chi: Kế toán kiểm tra đầy đủ chứng từ thanh toán đã được duyệt là bản chính.

8.2 Quản lý tiền gửi qua Ngân hàng.

- + Kế toán Ngân hàng chỉ được viết ủy nhiệm chi, lệnh chuyển tiền trình chủ tài khoản duyệt chuyển tiền khi có đầy đủ chứng từ thanh toán ký duyệt bằng

bản chính. Không được viết ủy nhiệm chi, lệnh thanh toán khi các chứng từ thanh toán bằng bản photocopy.

- + Kế toán trưởng, kế toán theo dõi Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi số dư tiền gửi thanh toán trên Tài khoản tại Ngân hàng và báo cáo tình hình thu chi hàng ngày cho chủ tài khoản.
- + Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm cung cấp thông tin đến các đơn vị có liên quan về tình hình thu tiền được qua Ngân hàng để các đơn vị này cập nhật tình hình công nợ chính xác kịp thời.
- + Kế toán Ngân hàng có quyền từ chối làm chứng từ ngân hàng khi không có chứng từ hợp pháp, hợp lệ.
- + Kế toán trưởng, Kế toán ngân hàng chịu trách nhiệm trước chủ tài khoản về việc quản lý tiền gửi Ngân hàng.

8.3 Quản lý tạm ứng.

- + Chỉ được tạm ứng tiền hoặc vật tư cho cán bộ nhân viên trong công ty để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ hoặc giải quyết một công việc được phê duyệt.
- + Phòng Kế toán phải xây dựng quy định về tạm ứng và quyết toán tạm ứng đảm bảo sử dụng tạm ứng đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt. Thu hồi kịp thời số tạm ứng không sử dụng.

8.4 Quản lý các khoản phải thu

- + Phòng Kế toán phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu, phân tích và đôn đốc, phải thực hiện theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.
- + Cuối kỳ kế toán phải kiểm tra, đối chiếu và xác nhận số phát sinh, số dư phải thanh toán. Khi đối chiếu nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.

8.5 Quản lý mua văn phòng phẩm và dụng cụ văn phòng

Việc mua sắm các loại văn phòng phẩm và dụng cụ văn phòng giao Phòng Hành chính Nhân sự. Hàng tháng Phòng Hành chính Nhân sự tổng hợp nhu cầu từ các Phòng/bộ phận, lựa chọn đơn vị cung cấp đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ trình Tổng giám đốc phê duyệt.

8.6 Quản lý các tài sản lưu động khác

Khi sử dụng công cụ, dụng cụ vào quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty tính một lần vào chi phí hoặc phân bổ theo tỷ lệ % tùy theo tình hình thực tế và sử dụng tài sản này.

Điều 9: Tài sản cố định, đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định:

- 9.1** Tài sản cố định của Công ty gồm: Tài sản cố định hữu hình; tài sản cố định vô hình; tài sản cố định thuê tài chính. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ tài chính.

- 9.2** Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản phải thực hiện theo phân cấp của Điều lệ và các quy chế, quy định hiện hành của Công ty:
- + Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư, mua sắm thành tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - + Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định mua sắm tài sản cố định với giá trị có giá trị nhỏ hơn 35% trình phương án cho HĐQT phê duyệt;
 - + Các dự án đầu tư trên mức quyết định của Hội đồng quản trị thì báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 9.3** Trình tự thủ tục đầu tư, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của Pháp luật và Quy chế phân cấp, quản lý đầu tư của Công ty.
- 9.4** Tổng Giám đốc Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao phải đảm bảo bù đắp cả hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình của tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tài sản cố định sau khi đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa nhưng vẫn phải quản lý trên sổ sách. Công trình cơ bản hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa phê duyệt, thì phải tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính để trích khấu hao, sau khi nghiệm thu bàn giao, quyết toán giá trị công trình phải điều chỉnh lại giá trị tài sản cố định theo giá trị quyết toán được duyệt.
- 9.5** Tổng Giám đốc Công ty được sử dụng số khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh khác.
- 9.6** Tổng Giám đốc Công ty thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
- + Dùng tài sản để góp vốn liên doanh, góp vốn cổ phần.
 - + Điều chỉnh giá để bảo đảm giá trị thực tế theo quy định của Nhà Nước và Điều lệ Công ty.
- 9.7** Khi xảy ra tổn thất tài sản (mất mát, hư hỏng làm giảm giá trị tài sản) dù do nguyên nhân chủ quan hay khách quan, Tổng Giám đốc Công ty phải xác định giá trị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:
- + Đối với những tổn thất được xác định rõ do cá nhân tập thể nào gây ra, thì cá nhân tập thể đó phải bồi thường. Mức bồi thường do Hội đồng Quản trị quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với luật pháp và điều lệ Công ty.
 - + HĐQT ủy quyền Tổng Giám đốc quyết định việc xử lý bồi thường các trường hợp tổn thất tài sản dưới (01) tỷ đồng.

- + Tổng Giám đốc Công ty được sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những thiệt hại về tổn thất tài sản mà Công ty phải chịu sau khi trình Hội đồng Quản trị thông qua.

9.8 Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định:

- + Tổng giám đốc công ty khi thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền quản lý phải có phương án trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- + Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty được ký kết các hợp đồng cho thuê tài sản từ 02 (hai) năm trở xuống. Các trường hợp khác phải trình Hội đồng Quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.
- + Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản và chi phí phát sinh trong quá trình cho thuê tài sản được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Công ty.

9.9 Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- + Công ty thực hiện việc nhượng bán, thanh lý tài sản để thu hồi vốn cho mục đích sản xuất kinh Doanh có hiệu quả hơn hoặc giảm thiệt hại kinh tế đến mức thấp nhất trong những trường hợp sau:
 - Tài sản kém hoặc mất phẩm chất
 - Tài sản đã hết thời hạn sử dụng, lạc hậu kỹ thuật
 - Tài sản không cần dùng hoặc hư hỏng không thể phục hồi được
- + HĐQT trực tiếp quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị còn lại trên sổ sách bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- + Tổng Giám đốc Công ty trình Hội đồng Quản trị phương án thanh lý nhượng bán những tài sản có giá trị còn lại trên sổ sách nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- + Khi thanh lý, nhượng bán tài sản, Tổng Giám đốc Công ty phải thành lập Hội đồng thanh lý để định giá tài sản thanh lý, tổ chức bán đấu giá công khai.
- + Việc nhượng bán thanh lý tiến hành từng đợt và phải thông báo cho ban kiểm soát biết.
- + Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản nhượng bán và chi phí nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập khác hoặc chi phí khác của công ty.

9.10 Kiểm kê tài sản của công ty:

- + Kiểm kê tài sản là việc cân đong, đo đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách kế toán.
- + Công ty tiến hành kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau:
 - Cuối kỳ kế toán năm hoặc 6 tháng (nếu có), trước khi lập báo cáo tài chính

- Chia tách, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản hoặc bán, khoán cho thuê doanh nghiệp
 - Chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp
 - Xảy ra hoả hoạn, lũ lụt và các thiệt hại bất thường khác
 - Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
 - Các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm kê sơ bộ định kỳ cuối mỗi tháng để làm cơ sở báo cáo tồn kho và đối chiếu với số liệu của phòng tài chính kế toán
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật/ theo quyết định của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
- + Ngoài các trường hợp chịu trách nhiệm kiểm kê sơ bộ hàng tháng Công ty phải thành lập Ban kiểm kê và thông báo cho Ban Kiểm soát. Ban Kiểm kê do Tổng Giám đốc Công ty ra quyết định thành lập. Trưởng các đơn vị có tài sản kiểm kê phải bố trí đủ nhân sự và thời gian thích hợp phục vụ cho công tác kiểm kê đúng thời gian theo quy định.
 - + Sau khi kiểm kê tài sản, Ban kiểm kê phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê để trình Tổng Giám đốc. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ sách kế toán, Ban kiểm kê phải xác định nguyên nhân chênh lệch (thừa, thiếu), đề xuất các biện pháp giải quyết trình Tổng Giám đốc ra quyết định xử lý. Toàn bộ hồ sơ kiểm kê chuyển cho phòng Tài chính Kế toán và Phòng Tài chính Kế toán chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu lại trước khi trình Tổng Giám đốc phê duyệt. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Phòng Tài chính Kế toán điều chỉnh sổ sách kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. Người lập và ký báo cáo kiểm kê của đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.
 - + Nội dung kiểm kê cuối kỳ kế toán 6 tháng vào cuối ngày 30/6 (nếu có) gồm: Kiểm kê tồn quỹ tiền mặt Kiểm kê các kho hàng của Công ty Kiểm kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ.
 - + Kiểm kê các giấy tờ liên quan đến chủ sở hữu về bất động sản và các giấy tờ có giá trị khác. Đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, số dư ngân hàng.

Điều 10: Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

Công ty được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty (Công ty mẹ). Việc đầu tư vốn ra ngoài công ty mẹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty mẹ.

Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty mẹ:

- + Tham gia thành lập doanh nghiệp mới trên cơ sở góp vốn, liên doanh, liên kết, hoặc thực hiện các hình thức hợp tác kinh doanh khác với các đối tượng trong và ngoài nước.
- + Tham gia góp vốn với đối tác trong và ngoài nước trong các dự án trong nước hay dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Đầu tư kinh Doanh cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung và phi tập trung.
- + Các hình thức đầu tư tài chính khác mà pháp luật không cấm, phù hợp với định hướng kinh Doanh theo từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị quyết định theo điều lệ Công ty.
- + HĐQT quyết định đầu tư giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- + HĐQT quyết định đầu tư giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- + HĐQT phân quyền Tổng Giám đốc Công ty trình Hội đồng Quản trị phương án đầu tư và quyết định đầu tư giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Điều 11. Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm:

- 11.1** Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm: Toàn bộ số tiền phải thu hoặc đã thu (không bao gồm các loại thuế gián thu) phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại về bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại của Công ty.
- 11.2** Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm:
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư từ việc đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư ra ngoài của Công ty.
 - + Tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,....
 - + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác.
 - + Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ.
 - + Thu nhập tài chính khác.

11.3 Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Gồm: Thu nhập từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, vật tư, hàng hóa; công cụ, dụng cụ; các khoản phải trả nhưng không trả vì nguyên nhân từ phía chủ nợ, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, các khoản thuế được ngân sách hoàn lại; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa không tính trong doanh thu; giá trị quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân tặng cho công ty, các khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, năm nay mới phát hiện nhưng không trọng yếu, khoản nợ khó đòi đã xử lý nay thu hồi được, giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận ...

Điều 12. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí khác.

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

12.1 Chi phí sản xuất kinh doanh thông thường:

- + Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài được tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế, chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí lán trại, công trình tạm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.
- + Chi phí thuê Nhà thầu phụ.
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định được tính theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- + Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- + Chi ăn ca cho người lao động do Tổng giám đốc quyết định phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh nhưng mức chi hàng tháng cho mỗi người lao động theo quy định của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, các quy định pháp luật có liên quan.
- + Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động được tính theo các chế độ hiện hành của Nhà nước.
- + Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động.
- + Chi phí giao dịch, tiếp khách, tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, hội họp. Các khoản chi này phải có chứng từ hợp lệ và được hạch toán theo chi phí thực tế phát sinh và phù hợp với quy định của pháp luật.

- + Công tác phí bao gồm chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- + Các khoản chi về điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiền thuê kiểm toán, tiền thuê dịch vụ pháp lý, mua bảo hiểm tài sản...
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có chứng từ, hóa đơn theo chế độ quy định.
- + Chi tài trợ cho giáo dục, y tế; cho việc khắc phục hậu quả thiên tai; chi tài trợ làm nhà tình nghĩa...theo quy định hiện hành.
- + Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.
- + Chi cho công tác bảo vệ môi trường.
- + Khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và Ban kiểm soát căn cứ theo Điều lệ của Công ty
- + Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định hiện hành.
 - Giá trị tài sản tổn thất thực tế: Nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại Quy chế này;
 - Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp trích lập theo quy định.
 - Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài, tiền thuê đất.
 - Thưởng sáng kiến, thưởng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám Đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả kinh doanh trong năm.
 - Cho các công tác y tế, nguyên cứu khoa học, nguyên cứu đổi mới công nghệ.

12.2 Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:

- + Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- + Các khoản chi phí tài chính khác.

12.3 Chi phí khác, bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- + Giá trị còn lại của Tài sản cố định bị phá dỡ.
- + Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý, nhượng bán nếu có.
- + Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.
- + Chi phí để thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- + Các chi phí khác.

12.4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

- + Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.
- + Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng.
- + Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.
- + Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 13: Quản lý chi phí của Công ty:

- 13.1** Việc quản lý chi phí của Công ty thực hiện theo chế độ quản lý tài chính áp dụng cho loại hình công ty cổ phần. Tổng giám đốc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, chi tiêu nội bộ trình Hội đồng quản trị phê duyệt làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty
- 13.2** Định kỳ, Tổng giám đốc tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.
- 13.3** Tổng giám đốc xây dựng định mức lao động, định mức và đơn giá tiền lương, Quy chế trả lương trình Hội đồng quản trị phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

- 13.4** Các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, chi tiêu nội bộ, định mức lao động, đơn giá tiền lương, quy chế tiền lương phải được phổ biến, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện.

Điều 14: Thẩm quyền duyệt chi của Công ty

- 14.1** Đối với Hội đồng quản trị: thẩm quyền duyệt chi theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- 14.2** Đối với Tổng giám Đốc: Thẩm quyền duyệt chi theo quy định tại điều lệ của Công ty được cụ thể hóa, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn cho Công ty.
- 14.3** Tổng Giám đốc được duyệt các khoản chi phí cho hoạt động thường xuyên của Công ty theo kế hoạch kinh doanh hàng năm trình bày và được phê duyệt bởi HĐQT. Đối với các khoản chi vượt hạn mức, đầu tư ngoài kế hoạch phải được thông báo và duyệt bởi HĐQT.
- 14.4** Đối với Phó Tổng Giám Đốc: Có quyền phê duyệt các chi phí có liên quan khi được Tổng Giám Đốc ủy quyền.
- 14.5** Các nguyên tắc thực hiện chi phí: Nghiêm cấm việc chia nhỏ các loại hợp đồng, các khoản chi để tránh các hạn chế theo quy định điều lệ.

CHƯƠNG IV

LỢI NHUẬN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 15. Lợi nhuận

- 15.1** Lợi nhuận thực hiện (Lợi nhuận kế toán trước thuế) trong năm của Công ty là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.
- 15.2** Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty là tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận từ hoạt động tài chính trừ đi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- 15.3** Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là chênh lệch giữa doanh thu thuần từ việc bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp phát sinh trong kỳ.
- 15.4** Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- 15.5** Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

theo quy định của pháp luật, nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- 16.1** Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
- 16.2** Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
- 16.3** Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định (sau đây gọi là Lợi nhuận còn lại của Công ty) được làm căn cứ để phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều này.
- 16.4** Công ty được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc sở hữu của Công ty trên Báo cáo tài chính. Chỉ thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho các mục như sau:
 - + Trích lập các quỹ.
 - + Chia cổ tức cho các cổ động.
- 16.5** Khi phân phối lợi nhuận Công ty cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng tới luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty, như: Khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính; các khoản mục chi tiền tệ khác,...
- 16.6** Việc phân phối lợi nhuận do Hội đồng quản trị dự thảo phương án cụ thể trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17: Trích lập quỹ

Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty được sử dụng một phần để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ của Công ty cũng như các quỹ khác do Hội đồng quản trị quyết định theo tình hình kinh doanh thực tế. Tỷ lệ cho các quỹ được quy định như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính được trích bổ sung hàng năm ít nhất 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế và trích cho đến khi bằng 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
- + Các Quỹ khác do HĐQT, Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 18. Quản lý và sử dụng các quỹ

- 18.1** Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp do HĐQT phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám Đốc:

- + Đầu tư vào dự án, công trình doanh nghiệp khác theo kế hoạch.
- + Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ, nguyên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật.
- + Bổ sung vốn lưu động, vốn cố định của Công ty.
- + Các mục đích sử dụng khác do HĐQT quyết định theo từng thời điểm.

18.2 Quỹ dự phòng tài chính : được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, bù đắp, hỗ trợ trong các trường hợp thiệt hại về vốn do thiên tai, địch họa, rủi ro và thua lỗ trong kinh doanh của Công ty mà các khoản dự phòng được trích trong giá thành hoặc chi phí, tiền đền bù không đủ bù đắp.

18.3 Quỹ đào tạo chỉ được sử dụng cho công tác đào tạo tại Công ty.

18.4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập sử dụng theo quy định tài chính hiện hành hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

18.5 Quỹ khen thưởng được dùng để:

- + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên hoặc tập thể trong Công ty.
- + Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- + Thưởng cho danh hiệu thi đua, sáng kiến cải tiến tăng năng suất lao động
- + Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản này do Tổng giám đốc quyết định. Khi có phát sinh những trường hợp ngoài nội dung trên, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

18.6 Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Mức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

18.7 Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 19. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

19.1 Căn cứ định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch hạn mức tín dụng dài hạn của Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

19.2 Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản

xuất kinh doanh của năm tiếp theo để Hội đồng quản trị phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là cơ sở cho cổ đông và các cơ quan liên quan giám sát, đánh giá kết quả quản lý, điều hành của Công ty. Tổng giám đốc thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm, báo cáo và lập kế hoạch hạn mức tín dụng cho năm tiếp theo trình Hội đồng quản trị phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- 19.3** Định kỳ hàng quý, cuối năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch hạn mức tín dụng của Công ty.

Điều 20. Công tác kế toán

- 20.1** Công ty thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính. Trong công tác kế toán, Công ty phải tuân thủ các quy định, nguyên tắc và phương pháp kế toán thể hiện trong các văn bản luật, chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính kế toán. Việc tuân thủ này luôn được thực hiện ở các khâu như thu thập, xử lý, hạch toán kế toán, cung cấp, phân tích thông tin và kiểm tra kế toán.
- 20.2** Công ty thực hiện quyết toán tài chính và chấp hành đầy đủ các quy định về báo cáo tài chính. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Điều 21. Kiểm tra hoạt động tài chính

- 21.1** Việc kiểm tra hoạt động tài chính bao gồm các nội dung kiểm tra: Sự tuân thủ pháp luật về tài chính kế toán, Quy chế tài chính, Kế hoạch hạn mức tín dụng và được tiến hành khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.
- 21.2** Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Công ty (tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

- 22.1** Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty có trách nhiệm lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê của Công ty đến các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.
- 22.2** Lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Công ty phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của các chi nhánh, Công ty con.

- 22.3** Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được soát xét và kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- 22.4** Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan.
- 22.5** Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và/hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Công ty cho năm tài chính, theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán.
- 22.6** Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính hàng năm (đã được kiểm toán) của Công ty để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Công ty thực hiện việc công bố thông tin, công khai tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 22.7** Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Công bố thông tin tài chính

- 23.1** Định kỳ kết thúc bán niên và kết thúc năm tài chính Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 23.2** Có trách nhiệm thông tin, trả lời, giải trình các vấn đề liên quan báo cáo tài chính theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 23.3** Hình thức công bố thông tin: Công ty phải công bố công khai các thông tin Báo cáo tài chính trên các phương tiện công bố thông tin của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trên Website của công ty và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 24: Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm

- 24.1** Thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính của Công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong quá trình quản lý và sử dụng vốn đảm bảo thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

- 24.2** Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.
- 24.3** Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các phương án chủ trương đầu tư, xây dựng, hợp đồng nhượng, bán tài sản, các giao dịch khác vượt thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ; Phương án huy động vốn dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của các cổ đông; Điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.
- 24.4** Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty; Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức của Công ty.
- 24.5** Quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền các vấn đề sau đây:
- + Quyết định hoặc thông qua theo thẩm quyền các dự án đầu tư, giao dịch, mua bán tài sản của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
 - + Ban hành Quy chế quản lý tài chính; Các định mức chi phí tài chính; Các định mức khác và thực hiện điều chỉnh định mức hàng năm theo nhu cầu thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty.
 - + Phê duyệt Kế hoạch tài chính hàng năm và trung dài hạn của Công ty; Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ; Thực hiện công bố, công khai các báo cáo tài chính theo quy định.
 - + Phê duyệt các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - + Quyết định các hợp đồng vay vốn, bảo lãnh có giá trị bằng hoặc lớn hơn hoặc lớn hơn 35% giá trị tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - + Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định mua sắm tài sản với giá trị từ (01) tỷ đồng trở xuống và báo cáo cho HĐQT.
 - + Hội đồng quản trị quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới (01) tỷ đồng. Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định không có khả năng thu hồi đủ vốn thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị để thực hiện việc giám sát trước khi nhượng bán tài sản cố định.
 - + Quyết định đầu tư ra ngoài Công ty, chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty với tổng giá trị các khoản đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- + Quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn Vốn điều lệ của Công ty.
- + Quyết định các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn Vốn điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị nhỏ hơn Vốn điều lệ.
- + Quyết định bán các khoản nợ phải thu có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

24.6 Ban hành quy chế quản lý tài chính Công ty, quy chế quản lý nợ và các quy chế khác theo quy định tại của pháp luật.

24.7 Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

24.8 Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm; Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức của công ty liên kết.

24.9 Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, các thành viên của Ban giám đốc, Người đại diện phần vốn của Công ty trong việc sử dụng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty, thực hiện các nghĩa vụ của Công ty đối với Nhà nước, việc tổ chức thực hiện kinh doanh theo kế hoạch, phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và các nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao.

24.10 Chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, phân phối và sử dụng các khoản lợi nhuận sau thuế theo đúng quy định.

24.11 Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về tài chính khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

24.12 Thành viên HĐQT phụ trách hoạt động tài chính và đầu tư chịu trách nhiệm:

- + Theo dõi tình hình tài chính và đầu tư của Công ty.
- + Phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo tài chính thường niên hoặc đột xuất do Tổng Giám Đốc trình HĐQT.
- + Trình HĐQT xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến tài chính và đầu tư của Công ty như phát hành thêm cổ phần mới, mua lại cổ phần đã phát hành, chia cổ tức, vay vốn với số tiền vượt thẩm quyền quyết định của Tổng Giám Đốc.
- + Phối hợp cùng Tổng Giám Đốc trong các giao dịch kinh tế, dân sự cần có sự tham gia của HĐQT trong lĩnh vực tài chính, đầu tư.

Điều 25: Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm

25.1 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, có quyền điều hành trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, Kế hoạch hạn mức tín dụng hàng năm, Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

- 25.2** Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.
- 25.3** Chịu trách nhiệm về việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn và tài sản của Công ty trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 25.4** Quyết định các dự án đầu tư, mua sắm, phương án huy động vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án, phương án đầu tư kinh doanh, giao dịch, hợp đồng vượt thẩm quyền.
- 25.5** Xây dựng trình Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch hạn mức tín dụng hàng năm trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty.
- 25.6** Trình Phương án phân phối lợi nhuận; Báo cáo tài chính để Hội đồng xem xét trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 25.7** Các quyền hạn khác quy định tại Điều lệ của công ty.
- 25.8** Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty; Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
- 25.9** Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty.
- 25.10** Lập và trình Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.
- 25.11** Hàng năm, Tổng giám đốc phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty gửi Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.
- 25.12** Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật; Điều lệ, Quy chế này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

Điều 26: Kế toán trưởng có trách nhiệm:

- 26.1** Chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của Pháp luật về kế toán. Tuân thủ chế độ tài chính, kế toán doanh nghiệp theo các quy định pháp luật hiện hành.
- 26.2** Kiểm tra, giám sát về công tác thực hiện tuân thủ theo quy chế của Công ty đã ban hành.
- 26.3** Tham mưu cho Tổng Giám đốc phân tích hoạt động quản trị tài chính kế toán, nghiên cứu cải tiến quản lý kinh doanh, hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán tài chính theo yêu cầu quản lý của Công ty.

CHƯƠNG VII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27: Xử lý vi phạm

- 27.1** Các cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm Quy chế Tài chính thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý. Nếu vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật
- 27.2** Đối với khoản chi không đúng chế độ cá nhân nào quyết định chi sai phải bồi hoàn các thiệt hại cho Công ty, các khoản chi vượt định mức được duyệt phải xác định rõ trách nhiệm và trình Hội đồng Quản trị xử lý. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về các quyết định xử lý của mình trước cổ đông.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23:

Quy chế Tài chính của Công ty đã được Hội đồng Quản trị thông qua và ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu có trường hợp cần bổ sung, sửa đổi, Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị xem xét thông qua trước khi duyệt ban hành.

Điều 24:

Ngoài những qui định trong bản Quy chế Tài chính này, Công ty phải thực hiện đầy đủ các qui định về tài chính hiện hành của Nhà nước.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Ban TGD
- Các trưởng Bộ phận
- Lưu P.HCNS

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ĐOÀN VĂN SƠN

